

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CHO HỘ DÂN TỘC THIẾU SỐ HUYỆN VÕ NHAH TỈNH THÁI NGUYÊN

Trần Lệ Thị Bích Hồng¹, Đỗ Anh Tài²

¹Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên; ² Đại học Thái Nguyên

TÓM TẮT

Là một huyện miền núi nghèo nơi có nhiều đồng bào các dân tộc sinh sống, Võ Nhai đang gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện giảm nghèo bền vững. Bài viết này, tác giả đi sâu phân tích một số yếu tố liên quan đến năng lực tự vươn lên thoát nghèo và không tái nghèo của các hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Võ Nhai. Từ đó tác giả đã tìm ra những mặt hạn chế, những nguyên vọng của các hộ và trên cơ sở đánh giá những thuận lợi cũng như khó khăn của địa phương để đề xuất một số giải pháp nhằm giúp các hộ dân tộc thiểu số có thể tự vươn lên giảm nghèo từ chính nỗ lực của mình.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số, Giảm nghèo, Giải pháp, chính sách, Võ Nhai.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Võ Nhai là huyện vùng cao của tỉnh Thái Nguyên, có nhiều đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, các điều kiện kinh tế, xã hội còn gặp nhiều khó khăn, dân trí của người dân còn thấp, cơ sở hạ tầng, giao thông đi lại khó khăn, diện tích đất canh tác ít, nguồn vốn và khoa học kỹ thuật còn thiếu thốn. Trong nhiều năm qua, với nỗ lực của nhân dân cùng với sự vào cuộc của các cấp Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể Võ Nhai đã thực hiện khá thành công việc giảm nghèo cho các hộ dân tộc thiểu số. tỉ lệ hộ nghèo từ giảm từ 43,24% (năm 2011) xuống còn 23,78% (năm 2014). Tuy nhiên việc giảm nghèo của Võ Nhai chưa thực sự bền vững, tỉ lệ hộ nghèo còn cao, còn nhiều nguy cơ tái nghèo và xuất hiện hộ nghèo mới. Để thực hiện giảm nghèo và giảm nghèo bền vững cho các hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Võ Nhai cần thiết phải có sự tìm hiểu, phân tích các hoạt động sinh kế của hộ nông dân trên địa bàn, là cơ sở để xuất các giải pháp giảm nghèo cho người dân trong huyện nói riêng cũng như người dân các địa bàn có điều kiện tương tự.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Khái quát các hộ điều tra

Điều tra 105 hộ nghèo và cận nghèo trên địa bàn 3 xã, xã Nghinh Tường, xã Lâu Thượng

và xã Dân Tiến (mỗi xã 35 hộ) đại diện cho 3 vùng nghiên cứu của huyện Võ Nhai cho thấy chủ hộ là nam giới chiếm 89%, dân tộc Tây chiếm 59%, còn lại là dân tộc khác gồm Kinh, Dao, Sán Hú, v.v.. Về trình độ văn hóa của chủ hộ hầu hết cả chủ hộ là học hết cấp 1 và cấp 2 (chiếm 80%). Đây là điều dễ hiểu vì những hộ điều tra là những hộ nghèo không có điều kiện học tập cũng như nhận thức của họ về vấn đề học hành cũng chưa cao. 100% các hộ đều là thuần nông, thu nhập chính của các hộ là từ các hoạt động nông, lâm nghiệp. Về ngành nghề của các hộ điều tra, 100% các hộ đều là thuần nông, thu nhập chính của các hộ là từ nông lâm nghiệp. Đây là một khó khăn lớn cho việc thực hiện các giải pháp giảm nghèo trên địa bàn huyện

Nguồn lực của các nhóm hộ điều tra trên địa bàn

Nguồn vốn con người: Đa số các hộ có số nhân khẩu từ 3 đến 6 người, số nhân khẩu bình quân của các hộ là 4,5 người/hộ. Đây cũng là đặc điểm chung của các hộ thuộc vùng nông thôn miền núi nước ta. Các hộ có số lao động từ 2 đến 4 người/hộ.

Nguồn vốn vật chất: Tổng giá trị tài sản phục vụ sản xuất chủ yếu của mỗi hộ trong 3 vùng trung bình chung khoảng 30 triệu đồng, trong đó giá trị của chuồng trại lớn nhất chiếm (38,09%), có thể thấy chi phí xây dựng chuồng trại chiếm một khoản đáng kể trong

* Tel: 0982 640119; Mail: tranbichhongta@ gmail.com

các chi phí về tư liệu sản xuất. Đây là chi phí cố định và cần phải có sự đầu tư phù hợp để đảm bảo việc chăn nuôi đạt hiệu quả cao. Giá trị cây lâu năm của các hộ gia đình có với mức trung bình mỗi hộ là 8,92 triệu đồng chiếm 29,23% trong cơ cấu tài sản sản xuất của các hộ. Mặc dù diện tích cây lâu năm của các hộ gia đình tương đối nhiều nhưng lại có giá trị nhỏ như vậy là do đa phần các hộ mới trồng từ các chương trình xóa đói giảm nghèo.

Nguồn vốn tài chính: Các hộ gia đình đều có vốn tự có, nhưng bên cạnh đó họ vẫn phải vay thêm của các cá nhân, tổ chức hay các quỹ khác như quỹ giảm nghèo, quỹ hội phụ nữ, quỹ hội nông dân và từ các nguồn vốn khác như các nguồn quỹ hỗ trợ của các chương trình, dự án mà nhiều nhất là quỹ hỗ trợ về giống, vốn, vật tư nông nghiệp từ các chương trình xóa đói giảm nghèo.

Bảng 1. Quy mô vốn bình quân của nhóm hộ nghèo tại thời điểm điều tra

(Đơn vị: Triệu đồng)

Tiêu chí	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Chung 3 vùng
Vốn tự có	10,65	11,65	14,52	12,94
Vốn vay	10,46	13,23	11,53	11,07
Tổng vốn	21,11	24,88	26,05	24,01

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra)

Trung bình chung nguồn vốn của mỗi hộ tự có khoảng 13 triệu đồng, vốn vay trung bình mỗi hộ khoảng 11 triệu đồng. Đây là nền tảng cơ bản để các hộ gia đình phát triển sản xuất. Nếu xét về góc độ của sự phát triển thì nguồn vốn trên chưa tương xứng với nhu cầu phát triển sản xuất và mở rộng quy mô của các hộ gia đình. Vốn tự có của các hộ đa phần được hạch toán và quy đổi từ những tài sản và tư liệu sản xuất hiện có của các hộ. Tiền mặt của các hộ rất khan hiếm và khó khăn. Các nguồn vốn của các hộ nghèo nhìn chung là rất thấp và cần được hỗ trợ thêm để phát triển kinh tế.

Kết quả sản xuất của nhóm hộ điều tra

Thu nhập từ ngành nông nghiệp bình quân của các hộ gia đình trong 3 vùng nghiên cứu là 26,09 triệu đồng, trong đó thu nhập từ ngành trồng trọt vẫn có giá trị lớn nhất, khoảng 14 triệu đồng/hộ/năm chiếm 53,78%, tiếp theo là thu từ hoạt động chăn nuôi 8,28 triệu đồng/hộ/năm chiếm 31,74% và ngành lâm nghiệp 3,78 triệu đồng/hộ/năm chiếm 14,49% trong cơ cấu ngành.

Bảng 2. Tổng thu từ sản xuất Nông Lâm nghiệp ở các hộ điều tra

Tiêu chí	Trong đó							
	Vùng 1		Vùng 2		Vùng 3		BQC	
	GT (tr.đ)	CC (%)	GT (tr.đ)	CC (%)	GT (tr.đ)	CC (%)	GT (tr.đ)	CC (%)
Tổng thu	24,18	100	26,2	100	25,89	100	26,09	100
- Trồng trọt	14,78	61,12	13,08	49,92	14,23	51,02	14,03	53,78
- Chăn nuôi	5,28	21,84	9,45	36,07	8,11	36,25	8,28	31,74
- Lâm nghiệp	4,12	17,04	3,67	14,01	3,55	12,73	3,78	14,49

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra)

Thu nhập từ trồng trọt của các hộ nghèo vẫn rất cao là khoảng 54%, chăn nuôi là 32% còn lại là từ lâm nghiệp, các nguồn thu khác hầu như là không có. Chính vì vậy người nghèo vẫn bị phụ thuộc rất lớn vào điều kiện ngoại cảnh, phụ thuộc lớn vào thiên nhiên.

Đề cải thiện sinh kế cho hộ nghèo cần phải hỗ trợ vốn cho người dân, đa dạng các nguồn thu cho họ và cần phải định hướng rõ ràng trong việc sản xuất kết hợp với tuyên truyền, nâng cao trình độ canh tác cho người nghèo để người nghèo tiếp cận được tới những kiến thức mới. Có như vậy người nghèo mới có thể chủ động trong cuộc sống và tự lập, tự chủ, tự ý thức để vươn lên thoát nghèo, thoát khỏi vòng luẩn quẩn của nghèo đói.

Chỉ tiêu bình quân của nhóm hộ điều tra

Khảo sát mức chi tiêu bình quân của các hộ tại 3 vùng cho thấy mức chi cho tiêu dùng của các hộ nghèo là rất thấp (bình quân 10,41 triệu đồng/năm, khoảng 200.000 đồng/người/tháng), với mức chi bằng tiền như vậy có thể thấy là sự giao lưu với thị trường của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Võ Nhai là rất hạn chế. Đây cũng là một vấn đề cần thiết được quan tâm tích cực khi xây dựng các giải pháp giảm nghèo.

Bảng 3. Chi tiêu bình quân của các hộ điều tra

(ĐVT: Triệu đồng/hộ/năm)

Vùng	Tổng chi tiêu	Trong đó	
		Chi cho sản xuất	Chi cho sinh hoạt
Vùng 1	24,41	15,65	8,76
Vùng 2	25,97	14,23	11,74
Vùng 3	22,29	11,57	10,72
Bình quân chung	24,23	13,81	10,41

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra)

Với mức chi cho sản xuất bình quân 13,81 triệu đồng cũng là một mức đầu tư quá khiêm tốn cho sản xuất của một hộ gia đình. Mức đầu tư thấp thì cơ hội tăng thu nhập để giảm nghèo khó có thể thực hiện được, giải quyết được nguyên nhân này là một giải pháp quan trọng cho công tác giảm nghèo của địa phương.

Nguyên vọng của của các hộ nghèo trong mục tiêu giảm nghèo

Để thấy được nguyện vọng của người dân nhằm giải quyết các khó khăn trên các mặt sản xuất, tiêu thụ và tăng thu nhập, tác giả đã phỏng vấn sâu và tổng hợp kết quả trên bảng 03. Có thể khái quát các nguyện vọng của các hộ nghèo như sau:

Thứ nhất là về nhu cầu về đất, đất đai đang là nhu cầu có tính cấp thiết ở địa phương, có 68,57 % số hộ được hỏi có nhu cầu mở rộng diện tích đất và 100% số hộ có nhu cầu cải tạo đất. Vấn đề khai thác và sử dụng đất trên địa bàn huyện Võ Nhai nói chung và tại 3 xã đại diện nói riêng đã và đang là nội dung bức xúc cho người dân và các cấp chính quyền. Tình trạng phá rừng, khai thác khoáng sản tùy tiện nhiều năm qua đã làm cho tài nguyên đất bị cạn kiệt, môi trường bị phá hủy nghiêm trọng.

Thứ hai là về vốn, như trên đã trao đổi thực trạng đầu tư thấp của các hộ nông dân do nhiều nguyên nhân trong đó nguyên nhân thiếu vốn cho sản xuất có ảnh hưởng lớn đến khả năng đầu tư của hộ. Qua khảo sát cho thấy có đến trên 70% số hộ tham gia khảo sát có nhu cầu vay vốn.

Thứ 3 là về lao động, việc thiếu lao động có tính thời vụ là đặc điểm chung của sản xuất nông nghiệp, trong điều kiện Võ Nhai là một huyện miền núi vấn đề giải quyết sự thiếu lao động thời vụ cũng cần được quan tâm, có thể trong các thời điểm cần thiết thì việc hình thành các nhóm sơ thích, tổ đội công là một giải pháp có tính khả thi.

Thứ tư là về thị trường, đây là vấn đề rất nhạy cảm và khó giải quyết vì sự mất công bằng về lợi ích giữa người sản xuất với người thu gom và các thương nhân luôn tồn tại như là một thuộc tính của nền kinh tế thị trường. Các nhà làm chính sách giảm nghèo cần quan tâm đến việc cung cấp các thông tin thị trường cho người dân, thậm chí thực hiện bảo trợ giá và đầu ra cho nông sản phẩm của nông dân nghèo.

Bảng 4. Tổng hợp nguyện vọng của nhóm hộ điều tra

STT	Nguyện vọng	(ĐVT: %)			
		Chung	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Có nhu cầu mở rộng đất	68,57	57,14	71,42	77,14
2	Có nhu cầu cải tạo đất	100,00	100,00	100,00	100,00
3	Có nhu cầu vay vốn sản xuất	70,48	74,29	65,72	71,43
4	Thiếu lao động	68,57	62,86	65,72	77,14
5	Được cung cấp thông tin thị trường	74,29	85,71	65,71	71,43
6	Được bảo trợ về giá cả sản phẩm	87,62	91,43	85,71	85,71
7	Hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm	100,00	100,00	100,00	100,00
8	Hỗ trợ vốn	71,43	62,86	71,43	80,00
9	Hỗ trợ công cụ, giống, kĩ thuật	86,67	88,57	80,00	91,43
10	Đào tạo chuyên môn, tập huấn kĩ thuật	63,81	62,86	68,57	60,00
11	Tạo việc làm lúc nông nhàn	51,43	42,86	60,00	51,43

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra)

Thứ năm là về các hoạt động hỗ trợ khác, đối với các hộ nông dân nghèo là người dân tộc thiểu số thì trong thời gian trước mắt chưa thể tự mình vươn lên thoát nghèo được. Họ cần có sự chuẩn bị tích cực hơn nữa cho sự thay đổi này. Do nhiều lý do nên các ý kiến trả lời chỉ có khoảng 70% cần sự hỗ trợ, nhưng theo quan điểm của người viết thì các hoạt động hỗ trợ vốn, hỗ trợ công cụ, giống, tập huấn kĩ thuật, v.v., là vô cùng cần thiết cho các hộ nghèo.

Bảng 5. Các yếu tố hạn chế hộ nghèo tiếp cận tín dụng

STT	Yếu tố hạn chế	Đồng ý (phiếu)	Tỉ lệ (%)
1	Thiếu thông tin về các dịch vụ tài chính	75	71,43
2	Không có sổ đỏ để thế chấp ngân hàng	60	57,14
3	Vốn của ngân hàng cấp không thường xuyên	65	61,90
4	Không thể trả lãi và tiền gốc	54	51,43
5	Không biết làm gì với vốn	45	42,86
6	Số vốn vay ít	78	74,29
7	Không có nhu cầu vay vốn	15	14,29

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra)

Thứ sáu là về việc tiếp cận tín dụng, của các hộ nghèo đang có rất nhiều vấn đề tồn tại từ chủ quan đến khách quan. Một trong các nguyên nhân là các hộ nghèo không có tài sản thế chấp ngân hàng, nếu có thì giá trị cũng rất thấp, mặt khác có đến 61,90% các hộ nghèo được khảo sát cho rằng việc cấp vốn của ngân hàng không cấp vốn thường xuyên, bị gián đoạn và cần nhiều thủ tục nên cản trở đến việc vay vốn của các hộ. Việc một số hộ nghèo không biết làm gì với số tiền vay được nên họ chi tiêu vào các việc làm khác như ăn uống, mua sắm (42,86%), vẫn có hộ không thể trả lãi và tiền gốc hàng tháng (51,43%). Đây là vấn đề đang tồn tại trên địa phương dẫn đến việc vay vốn của các hộ nghèo khó khăn.

Giải pháp xóa đói giảm nghèo tại địa phương

Nhóm giải pháp về đất đai

Trong quá trình giao đất phải đi liền với quy hoạch và định hướng cụ thể sao cho các hộ có thể chuyên canh, thâm canh tăng năng suất, mang lại hiệu quả cao; Phát huy tổ đa các quyền lợi theo quy định của luật đất đai nhằm tăng khả năng tích tụ và tập trung ruộng đất trong hạn điều theo quy định; Đối với các hộ nghèo thiếu đất ở và đất sản xuất cần hỗ trợ giao đất và hỗ trợ đào tạo người dân về các kĩ thuật canh tác theo hướng thâm canh để tạo sự ổn định.

Nhóm giải pháp về vốn

Cần khuyến khích và tạo cơ hội để các hộ dân vay vốn sản xuất nhất là những hộ chính sách, hộ nghèo có nguồn lực lao động; Đối tượng được vay nên ưu tiên hộ chính sách nằm trong diện nghèo đói, có mong muốn làm kinh tế và

có định hướng cụ thể, cần xem xét các hộ không có mục đích kinh doanh cụ thể hoặc không có lao động bởi vì những đối tượng này khó có khả năng chi trả; Cần chú trọng quản lý nguồn vốn để tránh sự chông chéo trong quản lý nguồn vốn phục vụ sản xuất cho các hộ nghèo, cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức nhằm đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích và hiệu quả thu hồi được cả vốn và lãi.

Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao dân trí, đào tạo, tập huấn cho chủ hộ về những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong việc thoát nghèo và không bị tái nghèo; Khuyến khích động viên con em hộ nghèo đến trường, phổ cập giáo dục toàn diện cho các thành viên trong gia đình; Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm.

Nhóm giải pháp về khoa học kỹ thuật

Mở rộng hệ thống dịch vụ nhất là dịch vụ khoa học kỹ thuật để cung cấp vật tư và hướng dẫn hộ nghèo sản xuất, qua đó tận mua, trao đổi sản phẩm cho các hộ. Định hướng và tuyên truyền cho các hộ đặc biệt là những hộ nghèo sử dụng vật tư nông nghiệp có hiệu quả như phân bón, cải tạo đất, bảo vệ cây trồng, cách chăm sóc và thu hoạch, đặc biệt là hướng đến đồng bào dân tộc ít người đang canh tác theo tập quán truyền thống hiệu quả sản xuất chưa cao.

Nhóm giải pháp về cơ sở hạ tầng nông thôn

Tập trung hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn với quan điểm Nhà nước và nhân dân cùng làm;

Cải thiện và tăng cường hệ thống thông tin liên lạc; Phát triển mô hình chợ nông thôn.

Nhóm giải pháp về chính sách

Nhà nước và chính quyền cần có chính sách hỗ trợ giá đầu vào cho người dân đặc biệt là các hộ nghèo bằng các chương trình giảm

nghèo. Cung cấp giống mới, vật tư nông nghiệp với giá ưu tiên hoặc các chương trình khác đối với hộ nghèo.

KẾT LUẬN

Là một huyện vùng cao gặp nhiều khó khăn về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, sự vươn lên thoát nghèo của đồng bào các dân tộc thiểu số huyện Võ Nhai là thành công lớn của các chính sách giảm nghèo đã và đang thực hiện trên địa bàn. Những khó khăn của người dân do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đem lại, để thực hiện giảm nghèo cho các hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Võ Nhai cần giải quyết đồng bộ một số giải pháp về đất đai, về vốn, về nguồn nhân lực, về khoa học kỹ thuật, cơ sở hạ tầng nhất là các giải pháp về chính sách. Từ thực tiễn thực hiện công tác giảm nghèo và khả năng vươn lên thoát nghèo của đồng bào các dân tộc thiểu số huyện Võ Nhai, và những giải pháp của người viết đưa ra sẽ góp phần thúc đẩy công tác giảm nghèo và giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Hiền: *Những giải pháp kinh tế để giảm nghèo cho người nông dân Nhà xuất bản Tạp chí Khoa học công nghệ Hà Nội.*
2. Bùi Thế Nhân: *Sir tuyệt vọng của người nghèo Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội*
3. Kevinvatkin: *Thế giới chống đói nghèo cuộc chiến gam go Nhà xuất bản Tạp chí kinh tế và dự báo 16/05/2011.*
4. Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg về chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015
5. UBND huyện Võ Nhai, báo cáo kết quả kinh tế xã hội hằng năm từ 2011 đến 2014.
6. *Nghèo*
<http://vi.wikipedia.org/wiki/Nghèo%3%A8a>.
7. *Hộ gia đình*
<http://nld.com.vn/114949P0C1042/khai-niem-ho-gia-dinh-chua-duoc-quy-dinh-ro.htm>.

SUMMARY

**SOME SOLUTIONS TO REDUCE POVERTY FOR ETHNIC MINORITY
IN VO NHAI DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE****Tran Le Thi Bich Hong^{1*}, Do Anh Tai²***¹College of Agriculture and Forestry - TNU, ²Thai Nguyen University*

As a poor mountainous district whose inhabitants are mainly of different ethnic minority groups, Vo Nhai is facing a great deal of challenges of reducing poverty sustainably. In this article, the factors related to the ability of overcoming poverty of the ethnic minority households in Vo Nhai district are deeply analysed. The analysis illuminates the existing restrictions. Thus, based on the analysis of advantages and disadvantages that the local people have, the researcher proposes some solutions to help them rely on themselves in getting rid of poverty.

Keywords: *ethnic minorities, poverty reduction, solution, policy, Vo Nhai*

Ngày nhận bài: 13/11/2015; Ngày phản biện: 19/12/2015; Ngày duyệt đăng: 31/3/2016
Phân biên khoa học: *TS. Nguyễn Thị Yến – Trường Đại học Nông Lâm - ĐHTN*

* Tel: 0982 640119; Email tranbichhongtuaf@gmail.com